

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

VNT Logistics

Năm báo cáo: 2012

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát :

- Tên công ty: Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Tên tiếng anh: The Van cargoes and Foreign trade logistics joint stock company.
- Tên giao dịch: **VNT LOGISTICS**
- Mã chứng khoán: **VNT**
- Người đại diện pháp luật: Ông Khúc Văn Dụ- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Trụ sở chính: Số 2 Bích cầu, quận Đống Đa, thành phố Hà nội
ĐT: (84-4) 37321 090- Fax: (84-4) 37321 083
Email: inf@vntlogistics.com
- Website: www.vntlogistics.com
- Vốn điều lệ: 54.720.000.000 VNĐ
- Vốn thực góp: 54.720.000.000 VNĐ
- **Chi nhánh Công ty tại:**
 - Hải phòng: 208 đường chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải phòng
ĐT: (84-31) 3765 819- Fax: (84-31) 3765 820
Email: hph@vnthp.com.vn
 - Quảng ninh: Số 1 đường Cái Lân, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- **Công ty con Hanotrans tại:**
 - Hà nội: Số 2 Bích cầu, quận Đống Đa, Hà nội
ĐT: (84-4) 37322 542- Fax: (84-4) 37322 895
Email: inf@hanotrans.com.vn
Website: www.hanotrans.com.vn
 - Hải phòng: Bãi VNT, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải phòng
ĐT: (84-31) 3978 169- Fax: (84-31) 3978 798
 - Hồ chí minh: 154-147 Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ chí minh
ĐT: (84-8) 39409 779- Fax: (84-8)
- **Depot VNTLogistics tại:**
Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải phòng
Tel: (84-3) 3978 169- Fax: (84-31) 3978 798

2. Quá trình phát triển Công ty

- Tháng 6/1996 : Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans) thành lập chi nhánh tại Hà nội- VNT Logistics
- Tháng 4/2003 Cổ phần hóa chi nhánh Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải ngoại thương-VNT Logistics.
- Năm 2006 VNT Logistics kỷ niệm 10 năm thành lập và vinh dự đón nhận huân chương lao động hạng III do Chủ tịch nước trao tặng do các thành tích kinh doanh xuất sắc.
- Tháng 8/2009 chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội.
- Tháng 4/2011 thay đổi thương hiệu nhận diện mới từ VINATRANS HA NOI sang VNT Logistics

Những thành tích Công ty đạt được

Năm	Thành tích đạt được
2001	- Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc” - Bằng khen của Bộ Thương Mại
2002	- Bằng khen của Bộ Thương Mại - Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ - Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”
2003	- Bằng khen của Bộ Thương Mại - Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”

Năm	Thành tích đạt được
2004	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng khen của Bộ Thương Mại - Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Thương Mại - Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”
2005	- Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”
2006	- Huân chương lao động hạng 3
2007	- Bằng khen của Bộ Thương Mại

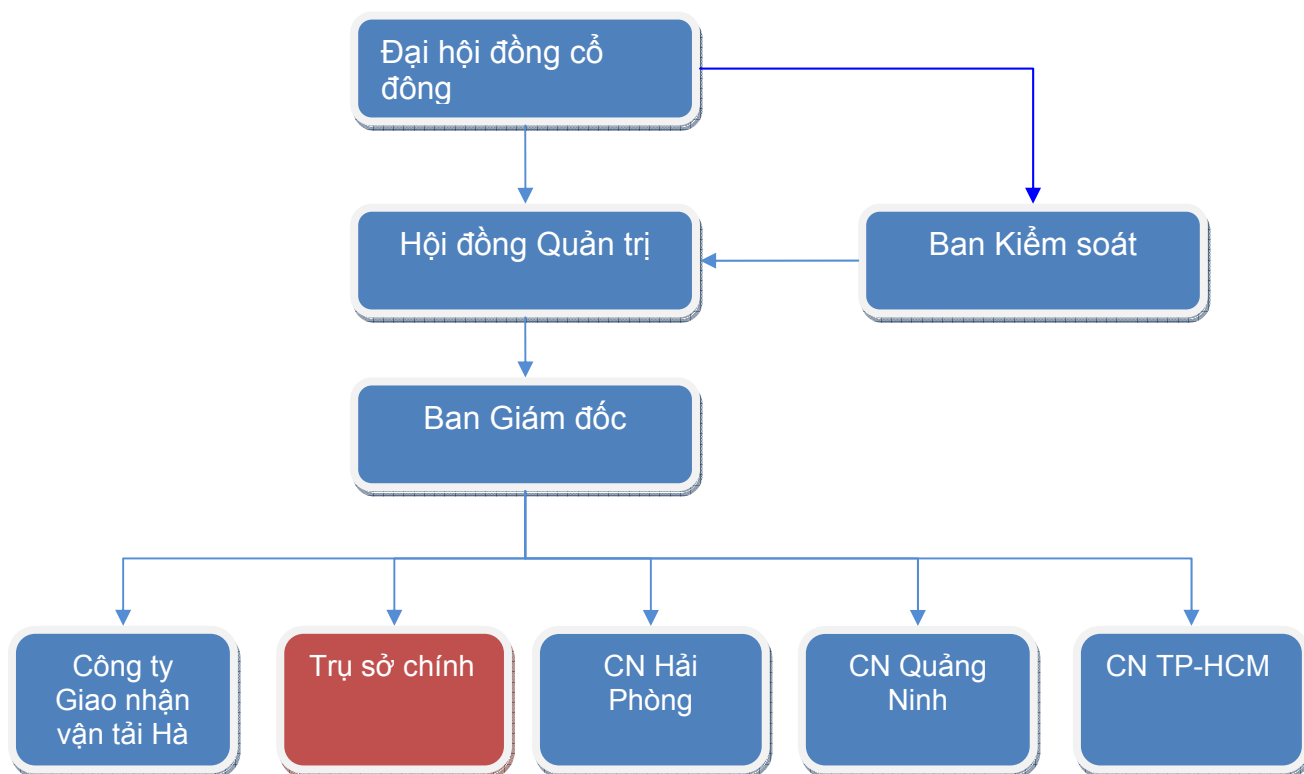
Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Năm	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Mức tăng vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn
2003	12	-	-
2004	12	-	-
2005	24	12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100%
2006	24	-	-
2007	54,72	30,72	Phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 70% Phát hành cho cổ đông hiện hữu với lệ 2:1 Phát hành cho CBCNV có đóng góp đến sự phát triển của Công ty Phát hành cho đối tác chiến lược của Công ty

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; bốc xếp; giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước
- Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi theo quy định của pháp luật
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hóa xuất nhập khẩu)
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đa phương thức
- Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Đường Thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển: xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại
- Môi giới hàng hải
- Đại lý tàu biển

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



5. Định hướng phát triển

Năm 2012 khép lại, Việt nam có tốc độ tăng trưởng 5.03%, được xem là mức thấp nhất trong 13 năm trở lại đây. Bên cạnh đó là nguồn ngân hàng những thách thức như đầu tư trực tiếp nước ngoài sụt giảm, bất động sản đóng băng, tình trạng nợ xấu của hệ thống ngân hàng cao nhất, kéo theo là sự phá sản của hàng chục ngàn doanh nghiệp nhỏ.

Các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp là khách hàng của công ty rất khó khăn, thay đổi kế hoạch kinh doanh ảnh hưởng không nhỏ đến ngành logistics.

Tình hình kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2013 dự kiến sẽ tiếp tục còn nhiều khó khăn, tỷ lệ lạm phát cao, giá nhiên liệu tăng khó dự đoán...là những thách thức cho thị trường giao nhận vận tải năm 2013.

Trong bối cảnh chung như vậy, với những biện pháp phòng ngừa rủi ro và những chiến lược kinh doanh phù hợp, VNT Logistics sẽ vẫn tiếp tục giữ ổn định và phát triển các dịch vụ giao nhận truyền thống (Hàng không, Hàng nhập xuất đường biển), tập trung phát triển dịch vụ Logistics, mở rộng thêm một số mảng dịch vụ mới...

Tiếp tục tập trung và hoàn thiện dự án đầu tư xây dựng phát triển kho tàng bến bãi ở Hải phòng Tăng cường công tác marketing, củng cố và phát triển các mối quan hệ với đại lý...

6. Các rủi ro:

- Nền kinh tế Việt Nam năm nay chịu ảnh hưởng lớn của sự suy thoái và khủng hoảng kinh tế toàn cầu, điều này ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp trong cả nước nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng.

Bên cạnh đó một vài năm nay, tính cạnh tranh cao trong thị trường dịch vụ vận tải đa phương thức, sau khi Việt Nam ra nhập WTO. Cùng với cơ hội thì các thách thức cũng lớn khi các Doanh nghiệp ở Việt nam kém tính cạnh tranh so với các Doanh nghiệp nước ngoài về cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn và tập quán giao thương quốc tế

- Ngoài ra hệ thống pháp luật của Việt nam chưa thực sự hoàn chỉnh, nhiều quy định còn chồng chéo nhau nhất là các quy định về Hải quan và hoạt động xuất nhập khẩu. Rồi các rủi ro bất khả kháng khác như các rủi ro từ thiên nhiên ..cũng ảnh hưởng đến lĩnh vực cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải hàng hóa.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2012 tuy có những khó khăn kinh tế chung nhưng Công ty vẫn có thể hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.
- Chỉ tiêu tài chính, lợi nhuận của công ty mẹ:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2012	TH 2012	% (TH / KH)
1	Doanh thu	tỷ	300	339,7	113%
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ	25	33,1	133%

2. Tổ chức và nhân sự:

- Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ngoài ra có các Phó Tổng Giám đốc phụ trách các mảng công việc theo phân công của Tổng Giám đốc

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Khúc Văn Dụ	Tổng Giám Đốc
2	Ông Trần Công Thành	Phó Tổng Giám Đốc
3	Ông Nguyễn Xuân Giang	Phó Tổng Giám đốc

Quản lý khác:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Đỗ Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng
2	Ông Tăng Anh Quốc	Giám đốc công ty con

Tóm tắt lý lịch Ban Giám đốc như sau:**1. Ông Khúc Văn Dụ:**

Giới tính	Nam
Ngày sinh	12/09/1953
Nơi sinh	Hà nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Gia Lâm, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Thạch Bàn, Gia Lâm, Hà Nội
Số ĐT cơ quan	04. 37321 090
Trình độ học vấn	Cử nhân Ngoại thương
Quá trình công tác	- Từ 1976 đến 1981: Giáo viên trường Cán bộ Ngoại Thương - Kiều Kị - Gia lâm - Hà nội. - Từ 1981 đến năm 1996 Cán bộ công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương-13 Lý Nam Đế, Hà nội - Từ năm 1996 đến năm 2003: Giám đốc Chi nhánh Vinatrans tại Hà nội. - Từ 2008 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương. - Từ tháng 4/ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải ngoại thương
Chức vụ công tác hiện nay	- Chủ tịch HĐQT công ty VNT Logistics - Tổng Giám đốc công ty VNT Logisitcs
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	18.000 CP

2. Ông Trần Công Thành

Giới tính	Nam
Ngày sinh	24/01/1976
Nơi sinh	Bắc Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	Số 8, ngõ 165 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà nội
Số ĐT cơ quan	04. 37321 090
Trình độ học vấn	Cử nhân Tài chính- Kế toán
Quá trình công tác	- Từ 1996 đến 2003: Kế toán trưởng chi nhánh Công ty VNT Logistics - Từ 2003 đến 2008: Kế toán trưởng công ty VNT Logistics - Từ 2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc công ty VNT Logistics.
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc công ty VNT Logistics
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	39.200

3. Ông Nguyễn Xuân Giang

Giới tính	Nam
Ngày sinh	16/02/1969
Nơi sinh	Hải phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Sơn Tây, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 19 lô C19, Khu tập thể Thủy tinh, Ngõ Quyền, Hải phòng
Số ĐT cơ quan	031. 3765 820
Trình độ học vấn	Kỹ sư Hàng hải
Quá trình công tác	- Từ 4/1999 đến 4/2003: Công tác tại công ty Vinatrans- chi nhánh Hải phòng- giữ chức Phó giám đốc chi nhánh cHải phòng - Từ 5/200 đến 12/2007: công tác tại Công ty Vinatrans Hà nội- chi nhánh Hải phòng- giữ chức Giám đốc chi nhánh Hải phòng - Từ 1/2008 đến nay: giữ chức Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hải phòng
Chức vụ công tác hiện nay	- Phó tổng Giám đốc công ty VNT Logistics - Giám đốc Chi nhánh Hải phòng
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	35.800

- Tổng số cán bộ, nhân viên trong công ty là : 305 người

Chính sách đối với người lao động trong công ty :

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, thực hiện dưới các hình thức sau:

Chế độ làm việc

- Công ty thực hiện chế độ 5 ngày rưỡi làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Công ty và nhân viên có thể thỏa thuận về việc làm thêm giờ và số giờ làm thêm này sẽ được tính cho người lao động là từ 150% đến 300% của mức lương làm việc thông thường.
- Đối với nhân viên theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, Công ty sẽ giảm 1 giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng. Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn được nhận lương theo các quy định của bảo hiểm xã hội.
- Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm. Và cứ mỗi 2 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

VNT Logistics luôn chú trọng xây dựng đội ngũ lao động thông qua các biện pháp thiết thực có hiệu quả. Việc tuyển dụng được thực hiện qua thi tuyển đầu vào và tuyển dụng người theo yêu cầu công việc.

Công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ công có trình độ cũng như kỹ năng tốt, vì vậy VNT Logistics thường xuyên gửi cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học đào tạo của các tổ chức giao nhận IATA, FIATA, VIFAS...các lớp học về quản trị, khoa học quản lý của các trường, viện kinh tế.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Để đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên của VNT Logistics, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đặc biệt chú trọng đến việc tăng đều đặn doanh thu hàng năm, giảm thiểu những chi phí không cần thiết. Hiện tại, Công ty đã triển khai áp dụng cơ chế khoán lương theo kết quả kinh doanh, trong đó có nhiều yếu tố khuyến khích đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ công nhân viên cốt cán, có năng lực và đã có những cống hiến đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty, trực tiếp tạo nên thu nhập cho Công ty, nâng cao chế độ trách nhiệm cụ thể của mọi chức danh công tác, nhất là đội ngũ cán bộ, chuyên viên nghiệp vụ.

Trong nhiều năm vừa qua, VNT Logistics đã quan tâm thích đáng đến đời sống cán bộ công nhân viên trong công ty bằng việc nâng cao mức thu nhập, áp dụng chế độ khoán lương theo kết quả kinh doanh tạo môi trường cạnh tranh công bằng giữa các nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng định kỳ tổ chức các chuyến du lịch trong và ngoài nước cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

b) Các khoản đầu tư lớn:

Công ty năm 2012 tiếp tục đầu tư hoàn thành dự án Kho-Bãi tại Hải phòng.

Tổng giá trị đầu tư là 25.38 tỷ đang dần hoàn thiện và một số hạng mục công trình đã hoàn thành và được đưa vào khai thác từ tháng 12/2012.

c) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty con:

- Tên công ty: Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành
- Tên giao dịch: Hanotrans LTD
- 02 chi nhánh: tại thành phố Hải phòng và thành phố Hồ Chí Minh
- Tình hình tài chính:

Công ty con Hanotrans là công ty 100% vốn đầu tư của công ty mẹ VNT Logistics, với vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ VNĐ và hiện tại vốn điều lệ là 6 tỷ VNĐ.

Công ty con Hanotrans hoạt động kinh doanh theo phương hướng và chỉ đạo thống nhất từ Ban Tổng giám đốc công ty và cũng góp phần đáng kể trong Tổng lợi nhuận của Công ty.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2012
1	Doanh thu	tỷ	232.20
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ	5.58

- Công ty liên kết:

- Tên công ty: Công ty CP Giao nhận Vận tải Vinashinlines- Vinatrans (Shintrans)
- Ngày 31/12/2012 Shintrans đã có quyết định giải thể theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012 và đang chờ thông báo giải thể từ Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Tổng vốn đầu tư của Công ty vào Shintrans là: 890.000.000đ

Phần tài sản còn lại của Công ty Shintrans lớn hơn giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu sẽ được hợp HDCĐ và phân chia sau khi nhận được quyết định giải thể của Sở KH và ĐT.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính (hợp nhất):

ĐVT: triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	254.254	263.167	103.51
Doanh thu thuần	512.768	539.589	105.23
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.468	34.139	124.29
Lợi nhuận khác	0.813	0.07	8.61
Lợi nhuận trước thuế	28.281	34.209	120.96
Lợi nhuận sau thuế	22.185	27.177	122.50
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30	30	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất):

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</p>	<p>1.29</p> <p>1.29</p>	<p>1.34</p> <p>1.34</p>	Không có hàng tồn kho
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</p> <p>+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu</p>	<p>0.64</p> <p>1.82</p>	<p>0.62</p> <p>1.63</p>	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho</p> <p>+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản</p>	<p>2.02</p>	<p>2.05</p>	Không có
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</p> <p>+ Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần</p> <p>+ Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH</p> <p>+ Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần</p>	<p>0.04</p> <p>0.25</p> <p>0.09</p> <p>0.05</p>	<p>0.05</p> <p>0.27</p> <p>0.10</p> <p>0.06</p>	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Cổ phiếu: Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.416.600
- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VNĐ/ cổ phần
- Cổ tức đã chi: 2,000 đ/ cổ phần. Chi tiếp: 1,000 đ/ cổ phần (thời điểm thực hiện T5/2013). Như vậy cổ tức trả của năm 2012 là : 3,000 đ/ cổ phần
- Cơ cấu cổ đông:
 - Vốn góp của Nhà nước: 10.96%
 - Vốn góp của các đối tượng khác: 89.04%

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Kết quả kinh doanh năm 2012:

Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 34.20 tỷ, tăng trưởng 20.96% so với năm 2011 là 28.28 tỷ

So với kế hoạch ĐHCĐ giao vượt 36.84% (ĐHCĐ giao 25 tỷ)

Lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt 27.18 tỷ tăng trưởng 22.49% so với năm 2011 là 22.19 tỷ

Lãi cơ bản trên cổ phiếu 2012: 5017, năm 2011: 4.086 đồng

Cổ tức đã chia: 20%

2. Tình hình kinh doanh năm 2012:

Trong năm 2012 kinh doanh của Công ty gặp một số khó khăn như:

- Thay đổi thương hiệu nhận diện mới- đổi tên giao dịch từ Vinatrans Hà nội thành VNT Logisites từ tháng 08 năm 2011...
- Tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt.
- Lạm phát tăng cao, chi phí đầu vào tăng, tỷ giá biến động, lãi suất cao.
- Nhiều khách hàng gặp khó khăn hoặc thậm chí phá sản, thay đổi kế hoạch xuất nhập hàng ảnh hưởng lớn đến doanh thu của công ty.

Tuy nhiên CB CNV Công ty hết sức cố gắng hoàn thành và vượt mức kế hoạch ĐHCĐ giao Công ty vẫn tiếp tục phát triển và mở rộng hệ thống đại lý khắp toàn cầu, tham gia mạng lưới các forwarder độc lập WCA,...tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao nhận xuất nhập khẩu hàng hóa. Một số mảng giao nhận như hàng không, đại lý tàu nhờ chất lượng dịch vụ, uy tín công ty, nỗ lực nhân viên bán hàng đã giành được những khách hàng lớn- mang lại hiệu quả rất cao cho công ty.

Công ty tiếp tục phát triển các dịch vụ của công ty con Hanotrans và chi nhánh Hanotrans, thành lập mới nhiều phòng kinh doanh và kinh doanh có hiệu quả, tăng nhanh thị phần của Hanotrans trong kết quả chung của công ty.

Việc thực hiện nghị quyết ĐHCĐ lần thứ 9

- Việc thực hiện kinh doanh: hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch đại hội cổ đông giao. Cổ tức đã chia: 20%
- Hoàn thành việc đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi thương hiệu nhận diện mới
- Hoàn thành dự án đầu tư khu kho bãi Hải phòng và bắt đầu đi vào khai thác từ tháng 12/2012

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Năm 2012 công ty đã có những cải tiến về cơ cấu tổ chức và các chính sách quản lý cho phù hợp với tình hình kinh doanh và phát triển của Công ty

Cụ thể:

- + Hoàn thiện hệ thống các phòng ban nghiệp vụ về nhân sự quản lý, nhân viên nghiệp vụ chuyên môn từng mảng nghiệp vụ
- + Tổ chức cho các nhân viên nghiệp vụ đi học thêm và lấy chứng chỉ về chuyên môn nghiệp vụ: Như nghiệp vụ khai thuê Hải quan, Nghiệp vụ về cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải cho hàng nguy hiểm...
- + Xây dựng cơ chế lương thưởng cụ thể cho từng kết quả công việc.
- + Triển khai với các bên cung cấp về các phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ quản lý và nghiệp vụ chuyên môn.

4. Phương hướng kinh doanh năm 2013:

- Giữ vững và phát triển các mảng dịch vụ chính như giao nhận hàng xuất nhập khẩu hàng không, đường biển, dịch vụ gom hàng, dịch vụ nội địa hỗ trợ, dịch vụ đại lý giao nhận vận tải đường biển cho các hãng tàu và các đại lý giao nhận, tiếp tục ổn định và mở rộng các mảng kinh doanh của công ty con Hanotrans
- Hoàn thiện hệ thống quy trình nội bộ, kiểm soát nội bộ, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển thương hiệu
- Khai thác có hiệu quả khu Kho bãi Hải phòng. Đề nghị ĐHCĐ phê chuẩn đầu tư thêm một kho thường để làm hàng gom, tổng mức đầu tư dự kiến là 4 tỷ đồng
- Thu hút nhân tài về làm việc cho công ty

Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2013:

Trước tình hình kinh doanh tiếp tục khó khăn như năm 2012, giảm nguồn thu từ mảng kho bãi và đại lý tàu nên căn cứ tình hình thực tế, Công ty đề nghị ĐHCĐ xem xét một số chỉ tiêu kế hoạch 2013 như sau:

1. Tổng Doanh thu: 300 tỷ
2. Lãi trước thuế: 25 tỷ
3. Cổ tức: 20%

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh được Đại hội cổ đông thường niên giao. Cụ thể Lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt 34.20 tỷ vượt 36.84% ĐHCĐ giao 25 tỷ.

Lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt 27.18 tỷ tăng trưởng 22.49% so với năm 2011.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

HDQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Giám đốc công ty trong điều hành hoạt động kinh doanh. Năm 2012, Ban giám đốc đã tuân thủ đúng định hướng của HDQT đề ra, thể hiện trách nhiệm cao, năng động và đoàn kết vượt qua những khó khăn, tận dụng hiệu quả những thuận lợi và các nguồn lực để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế, cụ thể như sau:

- Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu về doanh thu- lợi nhuận do ĐHCĐ lần thứ 9 đề ra
- Hoàn thành việc đầu tư dự án kho bãi tại Hải phòng

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:*

- Tăng cường hơn nữa việc hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo sát sao, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty
- .Đẩy mạnh hơn nữa công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. *Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Khúc Văn Dụ	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 1976 đến 1981: Giáo viên trường Cán bộ Ngoại Thương - Kiều Kị - Gia lâm - Hà nội. - Từ 1981 đến năm 1996 Cán bộ công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương-13 Lý Nam Đế, Hà nội - Từ năm 1996 đến năm 2003: Giám đốc Chi nhánh Vinatrans tại Hà nội. - Từ 2003 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương. <p>Từ tháng 4/ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương</p>
2	Ông Vũ Thế Đức	<p>Phó chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1983 đến 1987: Làm việc tại Viện dầu khí Việt Nam tại Hà Nội. - Từ năm 1987 đến nay: Làm việc tại Công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương thành phố Hồ Chí Minh-Vinatrans - Tháng 1 năm 2009 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương thành phố Hồ Chí Minh-Vinatrans <p>Từ tháng 4/ 2009 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương</p>

3	Ông Bùi Ngọc Loan	<p>Ủy viên Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1975 đến 2008: làm việc tại Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương. Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới <p>Tháng 4/ 2009 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương</p>
4	Ông Đỗ Xuân Quang	<p>Ủy viên Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1992 đến năm 2001: Trưởng phòng Giao nhận hàng không Công ty Vinatrans. - Từ năm 2001- nay: Làm việc tại Công ty Vinafreight-Chủ tịch HĐQT Công ty Vinafreight <p>Tháng 4/2009- nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương.</p>
5	Ông Nguyễn Xuân Giang	<p>Ủy viên Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 4/1999 đến 4/2003: công tác tại Công ty Vinatrans – Chi nhánh Hải Phòng – giữ chức Phó Giám Đốc Chi nhánh Hải Phòng. - Từ 5/2003 đến 12/2007: công tác tại Công ty VNT Logistics – Chi nhánh Hải Phòng – giữ chức Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng. <p>Từ 4/2009 đến nay: Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng kiêm Phó Tổng Giám đốc và Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương</p>

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty đã hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo sát sao, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty.

- Hội đồng quản trị tổ chức quản lý và thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong SXKD; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật về chứng khoán; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền, có hiệu lực cao, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Ban Giám đốc.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 3 thành viên :

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Bích Liên	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Dương Minh Châu	Thành viên Ban Kiểm soát

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, báo cáo kinh doanh do Ban Tổng giám đốc và Ban tài chính Kế toán chuẩn bị
- Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán DTL

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức danh	Chi tiết thu nhập	Thu nhập/tháng(tr đ)
1	Khúc Văn Dụ	HĐQT P. CT	Thù lao	6
2	Vũ Thế Đức	HĐQT	Thù lao	5
3	Đỗ Xuân Quang	UV HĐQT	Thù lao	5
4	Bùi Ngọc Loan	UV HĐQT	Thù lao	5
5	Nguyễn Xuân Giang	UV HĐQT	Thù lao	5
6	Khúc Văn Dụ	TGD	Lương	40
7	Nguyễn Xuân Giang	P. TGD	Lương	35
8	Trần Công Thành	P. TGD	Lương	30
9	Nguyễn Thị Bích Liên	Trưởng BKS	Thù lao	3
10	Dương Minh Châu	Trưởng BKS	Thù lao	2
11	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng BKS	Thù lao	2

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:
Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định theo pháp luật về quản trị công ty

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 13.153/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 19 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 27 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2013

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

NGUYỄN CHÁNH THÀNH
Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218,575,060,418	213,492,377,076
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	85,438,006,810	81,543,488,953
1. Tiền	111		34,514,928,110	34,503,888,953
2. Các khoản tương đương tiền	112		50,923,078,700	47,039,600,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	8,134,000,000	31,446,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8,134,000,000	31,446,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	99,518,603,210	83,444,750,573
1. Phải thu khách hàng	131		85,905,594,958	64,043,265,735
2. Trả trước cho người bán	132		14,482,671,126	19,241,287,903
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		863,438,188	355,581,345
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-1,733,101,062	-195,384,410
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25,484,450,398	17,058,137,550
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		90,000,000	90,000,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,032,554,655	582,745,182
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		613,285,543	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	23,748,610,200	16,385,392,368

B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44,591,629,291	40,762,003,015
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		34,525,774,833	31,074,801,578
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	17,543,691,382	21,528,585,451
+ Nguyên giá	222		35,782,645,967	36,041,191,741
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		-18,238,954,585	-14,512,606,290
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	1,153,261,032	1,275,494,976
+ Nguyên giá	228		2,237,750,157	2,197,750,157
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-1,084,489,125	-922,255,181
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.7)	15,828,822,419	8,270,721,151
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	9,733,026,540	9,177,048,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		890,000,000	890,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9,525,000,000	9,525,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-681,973,460	-1,237,952,000
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270		332,827,918	510,153,437
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	(5.9)	332,827,918	510,153,437
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		263,166,689,709	254,254,380,091

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		163,287,214,901	164,239,120,378
I. Nợ ngắn hạn	310		163,287,214,901	164,239,120,378
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	123,161,795,728	138,758,597,040
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	682,115,842	2,831,084,227
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	4,135,124,647	3,674,618,718
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	10,533,915,737	10,053,055,707
6. Chi phí phải trả	316		7,945,666,871	993,217,919
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.13)	16,410,996,848	7,298,138,538
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		417,599,228	630,408,229
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		99,879,474,808	90,015,259,713
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14)	99,879,474,808	90,015,259,713
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.14.2)	54,720,000,000	54,720,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,029,300,000	1,029,300,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		-817,208,082	-817,208,082
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8,021,870,476	7,563,230,144
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		500,000,000	500,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4,000,000,000	3,000,000,000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.14.5)	32,425,512,414	24,019,937,651
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500			

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**440****263,166,689,709****254,254,380,091**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ			-
+ USD		607,092.10	666,229.46
+ JPY		33,000.00	33,000.00
+ EUR		5,543.97	20,444.45
+ SGD		500.00	500.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

CHỈ TIÊU		Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		539,588,843,594	512,768,293,462
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	539,588,843,594	512,768,293,462
4.	Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	499,478,222,946	482,693,850,243
5.	Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012	20		40,110,620,648	30,074,443,219
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	14,542,639,357	21,737,347,946
7.	Chi phí tài chính	22	(6.4)	1,312,976,314	9,440,283,716
	<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			<i>11,506,849</i>
8.	Chi phí bán hàng	24			
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	19,201,097,892	14,903,266,108
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34,139,185,799	27,468,241,341
11.	Thu nhập khác	31	(6.6)	879,390,397	1,662,573,485
12.	Chi phí khác	32	(6.7)	809,122,480	849,776,394
13.	Lợi nhuận khác	40		70,267,917	812,797,091
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34,209,453,716	28,281,038,432
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	7,032,271,425	6,095,937,276
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27,177,182,291	22,185,101,156
	17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61			
	17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		27,177,182,291	22,185,101,156
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.14.4)	5,017	4,096

*Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty*